

**ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG 2**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 81/QĐ-UBND

Phường 2, ngày 16 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai số liệu thực hiện
dự toán ngân sách Quý I năm 2025 của Phường 2

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG 2

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết 14/NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân Phường 2 về việc phê duyệt dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước Phường 2 năm 2025;

Xét đề nghị của Công chức Tài chính - Kế toán Phường 2;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách Quý I năm 2025 của Phường 2 (theo các biểu kèm Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng Ủy ban nhân dân Phường 2, Ban tài chính tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Phòng Tài chính - Kế hoạch TP;
- Đảng ủy phường, HĐND phường;
- Các đoàn thể phường;
- Trưởng ban nhân dân các khóm;
- Lưu: VT, D.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thị Kim Loan



Biểu số 113/CK TC - NSNN

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ I NĂM 2025

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)	SO SÁNH (%)
A	B	1	2	3 = 2/1
I	TỔNG SỐ THU	20.319.621.000	5.836.486.476	28,72
1	Các khoản thu xã hưởng 100 %	140.000.000	30.386.333	21,70
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	1.900.000.000	610.321.643	32,12
3	Thu bổ sung	18.279.621.000	5.139.808.500	28,12
	- Bổ sung cân đối ngân sách	9.712.693.000	2.428.174.000	25,00
	- Bổ sung có mục tiêu	8.566.928.000	2.711.634.500	31,65
4	Thu chuyển nguồn		55.970.000	
II	TỔNG SỐ CHI	20.319.621.000	4.379.757.233	21,55
1	Chi đầu tư phát triển	1.940.000.000		
2	Chi thường xuyên	18.207.154.000	4.379.757.233	24,06
3	Dự phòng	172.467.000		

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng dùng để phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã.



ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ QUÝ I NĂM 2025

Biểu số 114/CK TC - NSNN

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
	Tổng số thu	20.319.621.000	20.319.621.000	3.653.181.152	3.653.181.152		
I	Các khoản thu 100%	140.000.000	140.000.000	30.386.333	30.386.333		
1	Phí, lệ phí	80.000.000	80.000.000	13.880.500	13.880.500		
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác						
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định						
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
8	Thu khác	60.000.000	60.000.000	16.505.833	16.505.833		
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	1.900.000.000	1.900.000.000	610.321.643	610.321.643		
1	Các khoản thu phân chia	1.900.000.000	1.900.000.000	610.321.643	610.321.643		
1.1	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	700.000.000	700.000.000	64.882.670	64.882.670		
1.2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
1.3	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	400.000.000	400.000.000	355.050.000	355.050.000		
1.4	Lệ phí trước bạ nhà, đất	800.000.000	800.000.000	190.388.973	190.388.973		
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định						
2.1	Thu tiền sử dụng đất						
2.2	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước						
2.3	Thuế tài nguyên						
2.4	Thuế giá trị gia tăng						
2.5	Thuế thu nhập doanh nghiệp						
2.6	Thuế thu nhập cá nhân						
2.7	Thuế tiêu thụ đặc biệt						

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn			55.970.000	55.970.000		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước						
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	18.279.621.000	18.279.621.000	5.139.808.500	5.139.808.500		
	Bổ sung cân đối ngân sách	9.712.693.000	9.712.693.000	2.428.174.000	2.428.174.000		
	Bổ sung có mục tiêu	8.566.928.000	8.566.928.000	2.711.634.500	2.711.634.500		



ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ I NĂM 2025

[illegible]